

SMSS	Họ	Tên	D	D	Số	STK
TV	Lót	n	T	R	Tiền	
T		B	L	n		
		H		HB		
		T				
1	K38.	Nguyễn	Tu	3.	9 315	
	905.	n Thị	yết	75	8 000	
	090				0	
2	K38.	Lê	Tr	3.	9 315	
	905.	Quỳnh	hân	63	2 000	
	001	Bảo			0	
3	K38.	Phan	Ng	3.	8 262	
	905.	Thu	ân	75	8 500	
	104				0	
4	K38.	Đỗ	Qu	3.	8 262	
	905.	Thị	ý	56	4 500	
	063	Ngọc			0	
5	K38.	Đinh	Ti	3.	9 262	
	905.	Duy	ên	47	2 500	
	080				0	
6	K38.	Nguyễn	Ph	3.	8 262	
	905.	n Thị	ươ	34	0 500	
	060	Thảo	ng		0	
7	K38.	Hồ	Th	3.	8 262	
	905.	Công	an	31	6 500	
	068	h			0	